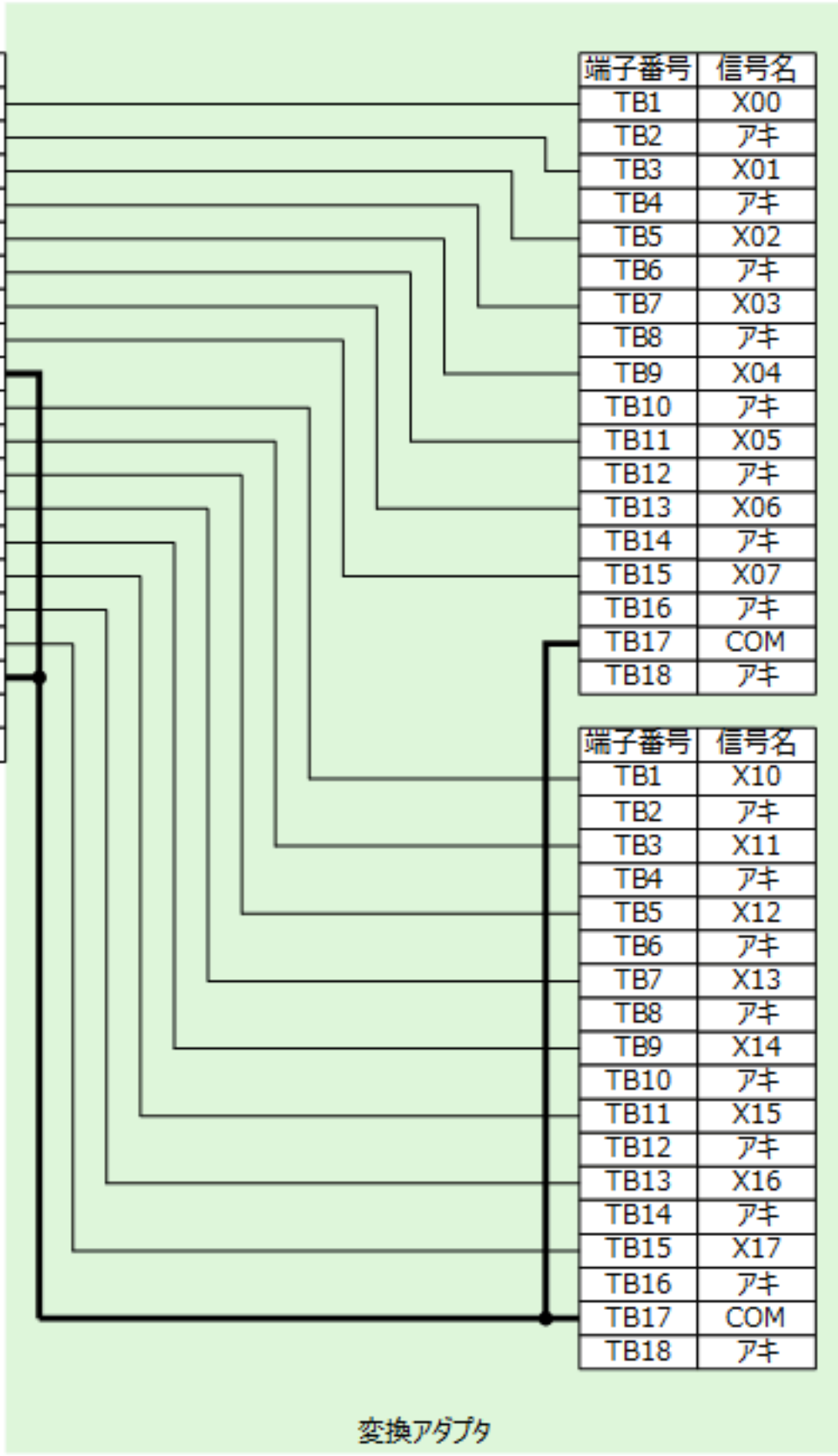


MELSEC-AnS  
シリーズ端子台

TB2	TB1
TB4	TB3
TB6	TB5
TB8	TB7
TB10	TB9
TB12	TB11
TB14	TB13
TB16	TB15
TB18	TB17
TB20	TB19

端子番号	信号名
TB1	X00
TB2	X01
TB3	X02
TB4	X03
TB5	X04
TB6	X05
TB7	X06
TB8	X07
TB9	COM
TB10	X08
TB11	X09
TB12	X0A
TB13	X0B
TB14	X0C
TB15	X0D
TB16	X0E
TB17	X0F
TB18	COM
TB19	アキ
TB20	アキ



変換アダプタ

MELSEC iQ-R  
シリーズ端子台  
(nスロットめ)

TB1	TB1
TB2	TB3
TB4	TB5
TB6	TB7
TB8	TB9
TB10	TB11
TB12	TB13
TB14	TB15
TB16	TB17
TB18	TB17

MELSEC iQ-R  
シリーズ端子台  
(n+1スロットめ)

TB1	TB1
TB2	TB3
TB4	TB5
TB6	TB7
TB8	TB9
TB10	TB11
TB12	TB13
TB14	TB15
TB16	TB17
TB18	TB17

端子番号	信号名
TB1	X00
TB2	アキ
TB3	X01
TB4	アキ
TB5	X02
TB6	アキ
TB7	X03
TB8	アキ
TB9	X04
TB10	アキ
TB11	X05
TB12	アキ
TB13	X06
TB14	アキ
TB15	X07
TB16	アキ
TB17	COM
TB18	アキ

端子番号	信号名
TB1	X10
TB2	アキ
TB3	X11
TB4	アキ
TB5	X12
TB6	アキ
TB7	X13
TB8	アキ
TB9	X14
TB10	アキ
TB11	X15
TB12	アキ
TB13	X16
TB14	アキ
TB15	X17
TB16	アキ
TB17	COM
TB18	アキ